TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **46**/2025/ HNGĐ - ST
Ngày 11/09/2025
"V/v tranh chấp ly hôn, con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – BẮC NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Toàn;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vi Thị Tú;

2. Ông Lã Văn Minh;

- ***Thư ký ghi biên bản phiên toà***: Bà Hoàng Thị Trang – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh tham gia phiên toà***: Ông Vương Văn Phong - Kiểm sát viên sơ cấp.

Trong ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2025/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 7 năm 2025 về việc "Tranh chấp về ly hôn, con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXX- ST ngày 28 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Khà Thị T, sinh ngày 26/10/1995; Số CCCD: 017195010164; Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt và có đơn xin vắng mặt

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Công T1, sinh ngày 08/03/1986; Số CCCD: 024086007840; Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1]. Trong đơn khởi kiện, những lời khai tiếp theo có trong hồ sơ nguyên đơn chị Khà Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn cùng với anh Nguyễn Công T1 vào tháng 2 năm 2014, trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là xã L, tỉnh Bắc Ninh) vào ngày 07/02/2014; Cưới xong chị về chung sống cùng với gia đình anh T1 luôn và sau đó hai vợ chồng chuyển về Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện S, tỉnh Bắc Giang làm

ăn sinh sống, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc. Mâu thuẫn phát sinh từ tháng 2 năm 2016, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bảo ban không ai nghe ai, tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, không cải thiện được. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2018 cho đến nay, chị đã về nhà ngoại ở kể từ đó đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T1 được ly hôn nhau.

Về con chung: Chị và anh T1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Bảo T2, sinh ngày 08/12/2014, hiện nay cháu đang ở cùng với gia đình anh T1. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu. Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị hiện đang làm công nhân thu nhập khoảng 9.000.000đ/tháng.

Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngoài ra chị không có yêu cầu gì.

[2]. Bị đơn anh Nguyễn Công T1 hiện không có mặt tại nơi cư trú, Tòa án và niêm yết tại địa phương thông báo về việc thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, thông báo phiên họp và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa để anh T1 biết đến làm việc tại Tòa án nhưng vẫn vắng mặtoHoaf vẫn v, nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh T1.

[3]. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên toà, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên toà, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên toà sơ thẩm; nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn anh T1 vắng mặt không chấp hành đến Tòa án để giải quyết vụ án là vi phạm về nghĩa vụ.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Khà Thị T và anh Nguyễn Công T1 được ly hôn nhau.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Bảo T2, sinh ngày 08/12/2014 cho chị Khà Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chị T không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Khà Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Chị Khà Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Sơn Động (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh) giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Công T1, anh T1 hiện đang cư trú tại huyện S, tỉnh Bắc Giang (Nay là xã T, tỉnh Bắc Ninh). Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân khu vực 5 – Bắc Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập và quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T1 vẫn vắng mặt lần thứ hai, chị T có đơn xét xử vắng mặt; Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T1, chị T theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa, nên cần áp dụng Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vụ án là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] *Xét yêu cầu khởi kiện:*

Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự, tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và những tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được thì có cơ sở xác định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Khà Thị T kết hôn với anh Nguyễn Công T1 vào tháng 02 năm 2014, trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là xã L, tỉnh Bắc Ninh) vào ngày 07/02/2014. Sau khi cưới chị T về chung sống cùng với gia đình anh T1 luôn, sau đó hai vợ chồng chuyển về Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện S, tỉnh Bắc Giang (Nay là Thôn Đ, xã T, tỉnh Bắc Ninh) làm ăn sinh sống, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc, xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hợp pháp.

Mâu thuẫn phát sinh Mâu thuẫn phát sinh từ tháng 02 năm 2016, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bảo ban không ai nghe ai, tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, không cải thiện được. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2018 cho đến nay, chị T đã về nhà ngoại ở kể từ đó đến nay. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn anh T1.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình"*.

Xét thấy: Chị T và anh T1 đã xảy ra mâu thuẫn thường xuyên, hai bên đã không quan tâm giúp đỡ đến nhau, không cùng chăm sóc, nuôi dạy con chung cũng như đã ly thân nhau về mặt tình cảm được một khoảng thời gian và cả hai không giải hòa được. Như vậy, chị T và anh T1 đã vi phạm nghĩa vụ chung sống vợ chồng, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị T, cho chị T và anh T1 được ly hôn nhau theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị T và anh T1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Bảo T2, sinh ngày 08/12/2014, hiện nay cháu đang ở cùng với gia đình anh T1. Chị T có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu T2 và không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện nay anh T1 không có mặt tại địa phương, đồng thời cháu T2 cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Như vậy, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung cần giao cho chị Khà Thị T được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Bảo T2 là hợp lý theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung, công nợ: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, công nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 21, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228, Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Khà Thị T và anh Nguyễn Công T1 được ly hôn nhau.

[2]. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Bảo T2, sinh ngày 08/12/2014 cho chị Khà Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chị T không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3]. Về tài sản chung, công nợ: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Khà Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí DSST 300.000đ, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005450 ngày 27/05/2025, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 – Bắc Ninh). Xác nhận chị T đã nộp đủ số tiền 300.000đ.

[5]. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày được niêm yết.

"*Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sựngười được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*"./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND KV 5 – Bắc Ninh;
- Phòng THADS KV 5 – Bắc Ninh;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Lục Nam;
- Lưu .

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Toàn